

Bản án số: 79/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 27 – 11 - 2019

V/v tranh chấp: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG ANH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Tuyến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Giang

Ông Dương Xuân Thìn

- Thư ký phiên tòa : Ông Nguyễn Văn Hùng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 342/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/7/2019 về việc: *Ly hôn*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2019/QĐXX - ST ngày 11 tháng 11 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2019/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Đặng Thị N**, sinh năm 1990; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn HD, xã KC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1988; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn HD, xã KC, huyện ĐA, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Đặng Thị N:

- Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng: Chị và anh H kết hôn năm 2011; trước khi kết hôn anh chị được tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã KC ngày 08/10/2011. Sau khi cưới anh chị về chung sống tại thôn HD, xã KC, huyện ĐA, Thành phố Hà Nội cùng bố mẹ anh H.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, dẫn đến cãi vã, có khi còn

đánh nhau. Vợ chồng tiếp tục chung sống đến năm 2018 thì mâu thuẫn càng tăng, nguyên nhân là do anh H tính khí thất thường, hay đánh vợ con vô cớ. Mỗi lần như vậy bố mẹ chồng không tham gia hòa giải mà chỉ bảo là không ở được thì bỏ nhau. Mâu thuẫn quá căng thẳng nên chị đã bỏ về quê ngoại từ 01/10/2018. Từ đó chị không liên lạc gì với anh H, cũng không lần nào về nhà thăm con. Chưa khi nào chính quyền địa phương hòa giải cho vợ chồng vì anh chị không yêu cầu.

Đến nay anh chị xác định vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, không thể tiếp tục chung sống nên yêu cầu ly hôn anh H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh 06/6/2011 và Nguyễn Tiến D, sinh 03/11/2015. Khi chị bỏ đi các con đang ở với bố và ông bà nội; sau đó chị đã đón cháu H ở với chị, cháu D vẫn ở với anh H. Các cháu sức khỏe tốt, phát triển bình thường. Năm nay cháu H lên lớp 3 học tại trường tiểu học KC, năm nay cháu D bắt đầu học mẫu giáo. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, để anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện nay chị làm công nhân tại công ty Power Logic thuộc khu công nghiệp Khai Quang, tỉnh Vĩnh Phúc; thu nhập trung bình 7.000.000 đồng/ tháng.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Đặng Thị N vẫn giữ toàn bộ yêu cầu theo đơn khởi kiện ban đầu.

Quan điểm của bị đơn – anh Nguyễn Văn H:

- Về quan hệ hôn nhân và mâu thuẫn vợ chồng: Anh H nhất trí như lời khai của chị N về thời gian, thủ tục kết hôn cũng như quá trình vợ chồng chung sống. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, chỉ vì những chuyện nhỏ nhặt mà cãi vã nhau, chưa khi nào dẫn đến đánh nhau như chị N khai. Khi vợ chồng cãi nhau thì bố mẹ anh có sang nhắc nhở. Vợ chồng vẫn tiếp tục chung sống đến tháng 10 năm 2018 thì chị N bỏ đi. Nguyên nhân là do chị N cãi nhau với mẹ anh xong thì bỏ đi chứ giữa vợ chồng không có vấn đề gì. Từ khi chị N bỏ đi anh không biết chị ở đâu, làm gì. Anh không liên lạc được với chị N vì chị N đã bỏ số điện thoại cũ. Anh có liên lạc với gia đình nhà vợ nhưng gia đình nhà vợ cũng không biết tin tức của chị N.

Đến nay chị N yêu cầu ly hôn, quan điểm của anh không đồng ý. Lý do anh không đồng ý ly hôn vì anh vẫn còn yêu thương vợ, anh không muốn các con phải khổ, có bố không có mẹ, có mẹ không có bố; bây giờ nuôi hai con rất vất vả cần có cả bố và mẹ. Nếu chị N vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn thì anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Về con chung: Nhất trí có 02 con chung như chị N khai. Nếu phải ly hôn anh nhất trí như quan điểm của chị N, anh sẽ nuôi cháu D, chị N nuôi cháu H. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Hiện nay anh làm công nhân công ty tiếp vận Thăng Long thuộc khu công nghiệp Bắc Thăng Long, công việc chính là giám sát xe ra vào công ty. Thu nhập 8.500.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Những lời khai ban đầu và biên bản lấy lời khai đối chất anh xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngày 17/9/2019, anh H có lời khai xác định vợ chồng có khoản nợ chung như sau: 50.000.000 đồng anh vay của Ngân hàng Prudential – Chi nhánh Hà Nội (địa chỉ nào anh không nhớ). Khi vay theo thu nhập lương của anh tại Công ty tiếp vận Thăng Long (địa chỉ: Lô E4, khu công nghiệp Bắc Thăng Long, Đông Anh, Hà Nội), khi vay chị N có biết. Số tiền này vay để mở tạp cửa hàng tạp hóa ở thôn HD, xã KC. Hợp đồng vay xác định thời hạn trả trong vòng 05 năm, mỗi tháng trả khoảng hơn 1.000.000 đồng (anh không nhớ chính xác là bao nhiêu). Hình thức trả hàng tháng là trả thẳng vào tài khoản của công ty. Anh mới trả được 04 tháng, sau đó anh không đủ khả năng nên không trả nữa. Ngân hàng nhiều lần thông báo về việc anh phải trả nợ, gửi cả giấy báo về nhưng vì anh không có tiền nên không trả được. Việc anh chưa trả được tiền cho Ngân hàng anh có thông báo cho chị N biết. Đến nay anh còn nợ của Ngân hàng khoảng 47.000.000 đồng. Khi ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết buộc chị N phải trả $\frac{1}{2}$ khoản nợ trên. Tòa án đã yêu cầu anh H làm đơn giải quyết về nợ chung và cung cấp địa chỉ của Ngân hàng anh H vay tiền, tuy nhiên anh H không làm đơn và không cung cấp địa chỉ của Ngân hàng theo yêu cầu của Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Anh phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tổ tụng dân sự: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định pháp luật. Tòa án thụ lý vụ án ngày 08/7/2019 đến ngày 11/11/2019 ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử là vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử, chậm 02 ngày theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn nhiều lần không đến Tòa án theo giấy triệu tập, vắng mặt tại phiên họp hòa giải, phiên tòa là chưa chấp hành đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị N về việc ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Giao chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, anh H trực tiếp cháu D. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không giải quyết vì các bên không có yêu cầu.

Về án phí: Chị N phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ; căn cứ kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 19/9/2011 tại Ủy ban nhân dân xã KC, huyện ĐA, thành

phố Hà Nội. Như vậy hôn nhân giữa anh chị là hợp pháp. Anh H có hộ khẩu thường trú và hiện đang cư trú tại huyện Đông Anh. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện Đông Anh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tình cảm vợ chồng và nguyên nhân mâu thuẫn:

Chị N xác định quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh H tính khí thất thường, hay đánh vợ con. Anh chị đã ly thân từ tháng 10 năm 2018.

Anh H xác định vợ chồng có mâu thuẫn nhưng đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất trong gia đình dẫn đến cãi vã, chưa khi nào anh đánh chị. Anh thừa nhận anh chị đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2018, hiện nay anh cũng không biết chị đang ở đâu.

Đại diện gia đình anh H xác định quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn. Chị N đã bỏ nhà đi từ tháng 10 năm 2018, gia đình hai bên đã tham gia hòa giải cho anh chị nhưng chị N không nghe mà kiên quyết xin ly hôn. Gia đình đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn theo quy định pháp luật. Về con chung, giải quyết việc nuôi con theo nguyện vọng của anh chị.

Đại diện thôn HD và đại diện UBND xã KC xác nhận: Anh chị đăng ký hộ khẩu thường trú và chung sống tại thôn HD, xã KC từ sau khi anh chị kết hôn. Quá trình chung sống anh chị có nhiều mâu thuẫn, đã nhiều lần chính quyền và các đoàn thể ở địa phương tham gia hòa giải nhưng không lập biên bản. Chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết việc anh chị ly hôn theo quy định pháp luật.

Như vậy xác định anh chị có mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Anh chị đã ly thân hơn một năm nay, gia đình hai bên và chính quyền địa phương đã hòa giải nhưng không thành. Chị N kiên quyết xin ly hôn, anh H đề nghị Tòa án hòa giải đoàn tụ nhưng không có phương pháp cụ thể hàn gắn tình cảm vợ chồng. Anh đề nghị Tòa án hòa giải nhưng lại vắng mặt tại phiên hòa giải, phiên tòa, như vậy nguyện vọng đoàn tụ của anh là không thực tâm. Vì vậy chấp nhận yêu cầu của chị N về việc ly hôn anh H theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau ly hôn:

Anh chị đều xác định có 02 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh 06/6/2011 và Nguyễn Tiến D, sinh 03/11/2015. Hiện nay cháu H ở với chị N, cháu D ở với anh H. Các con chung đều sức khỏe tốt, phát triển bình thường. Anh chị đều thống nhất nếu ly hôn, chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu D, cháu H cũng có nguyện vọng ở với chị N. Vì vậy, nên để chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu H, anh H trực tiếp nuôi dưỡng cháu D là phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và nguyện vọng của các bên. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau. Chị N, anh H đều có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, công sức của vợ chồng và nợ chung: Chị N không yêu cầu giải quyết. Anh H có lời khai yêu cầu giải quyết về nợ chung. Tòa án đã yêu cầu anh H làm đơn, cung cấp địa chỉ của Ngân hàng mà anh H vay tiền nhưng anh H không làm đơn, không cung cấp địa chỉ nơi anh vay tiền, vì vậy Tòa án không có căn cứ giải quyết.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Đặng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 56, 81, 82, 83 và Điều 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Đặng Thị N với anh Nguyễn Văn H. Chị Đặng Thị N được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Hôn nhân chấm dứt kể từ khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Xác định chị Đặng Thị N và anh Nguyễn Văn H có 02 con chung là Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh 06/6/2011 và Nguyễn Tiến D, sinh 03/11/2015.

Giao cháu D cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu H cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau đến khi các con chung thành niên hoặc đến khi có quyết định khác của Tòa án.

Chị N và anh H đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công sức và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị N phải chịu để sung công quỹ nhà nước nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án

phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008668 ngày 08/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Anh. Chị N đã nộp đủ tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Chị N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội.
- VKSND huyện Đông Anh.
- THA dân sự huyện Đông Anh.
- UBND xã KC, huyện ĐA.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trần Quang Tuyến

